



kingston.com/ssd

DATA CENTER DC1000M U.2 NVME SSD

SSD NVMe Doanh nghiệp Class U.2 với PLP

Trung tâm dữ liệu DC1000M

SSD U.2 NVMe DC1000M của Kingston có dung lượng lưu trữ lớn và hiệu năng doanh nghiệp xuất sắc nhất. Ổ có giao tiếp PCIe NVMe Gen 3.0 x4 hiệu năng cao cho phép lưu lượng cao và độ trễ thấp trên các nền tảng được chuẩn hóa. Sản phẩm được thiết kế để mang lại hiệu năng đọc ngẫu nhiên 540K IOPS và lưu lượng 3GB/giây. DC1000M được hỗ trợ bởi các yêu cầu QoS nghiêm ngặt của Kingston để bảo đảm hiệu năng IO ngẫu nhiên có thể dự đoán cũng như độ trễ có thể dự đoán trên một phạm vi lớn khối lượng dữ liệu.

Thiết kế kích cỡ U.2 phổ quát (2.5", 15mm) hoạt động thông suốt với những máy chủ và mảng lưu trữ mới nhất tận dụng hệ thống mặt sau PCIe và U.2. Ổ có thể cắm nóng nên những khó khăn khi bảo trì thiết bị lưu trữ PCIe không còn là vấn đề nữa.

Ổ cũng trang bị các tính năng cấp doanh nghiệp như bảo vệ đường dẫn từ đầu đến cuối, bảo vệ khi mất điện (PLP), và giám sát đo từ xa để tăng độ tin cậy của trung tâm dữ liệu. Sản phẩm nhận được hỗ trợ trước và sau khi bán hàng nổi tiếng của Kingston và được bảo hành giới hạn năm năm. Dung lượng¹ từ 960GB đến 7,6TB.

Ứng dụng

Ổ khối lượng công việc "hỗn hợp" lý tưởng để chạy nhiều ứng dụng khách hàng khác nhau, bao gồm:

- Ảo hóa
- Dịch vụ đám mây hiệu năng cao
- Cache lưu trữ web
- Quay/chụp và vận chuyển nội dung phương tiện độ phân giải cao
- Khối lượng dữ liệu cho các công nghệ ERP, CRM, GL, OLAP, OLTP, ERM và EDW

- › SSD NVMe PCIe Class U.2 Doanh nghiệp Gen 3.0 x4
- › Hiệu năng cao trên 3GB/giây
- › Độ trễ thấp có thể dự đoán và độ ổn định I/O cao
- › Bảo vệ khi mất điện (PLP) trên bo mạch

Xem thêm >>

ĐẶC TÍNH/TIỆN ÍCH

Hiệu năng NVMe trung tâm dữ liệu — Độ ổn định I/O đáng kinh ngạc với tốc độ lên đến 3GB/giây và 540K IOPS.

Lưu trữ hỗn hợp cấp doanh nghiệp — Sự cân bằng xuất sắc giữa I/O ổn định và hiệu năng IOPS đọc và ghi cao để quản lý nhiều khối lượng công việc giao dịch khác nhau.

Giảm độ trễ của ứng dụng — Chất lượng dịch vụ (QoS) mang lại độ trễ giao dịch cực thấp cho các tập dữ liệu lớn và các ứng dụng nền web khác nhau.

Bảo vệ khi mất điện (PLP) trên bo mạch — Bảo vệ cấp doanh nghiệp để giảm khả năng mất hoặc hỏng dữ liệu trong những tình huống mất điện bất ngờ.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích cỡ

U.2, 2,5" x 15mm

Giao tiếp

PCIe NVMe Gen3 x4

Dung lượng¹

960GB, 1,92TB, 3,84TB, 7,68TB

NAND

3D TLC

Đọc/ghi tuần tự

960GB – 3.100MB/s/1330MB/s 1,92TB – 3.100MB/s/2600MB/s
3,84TB – 3.100MB/s/2700MB/s 7,68TB – 3.100MB/s/2800MB/s

Đọc/ghi 4k ở trạng thái ổn định

960GB – 400.000/125.000 IOPS 1,92TB – 540.000/205.000 IOPS
3,84TB – 525.000/210.000 IOPS 7,68TB – 485.000/210.000 IOPS

Độ trễ^{2,3,4}

đọc/ghi TYP: <300 μ s / <1 ms

Cân bằng hao mòn tĩnh và động

cố

Bảo vệ khi mất điện (tụ điện)

cố

Các công cụ SMART cho doanh nghiệp

theo dõi độ tin cậy, thống kê sử dụng, tuổi thọ còn lại, cân bằng hao mòn, nhiệt độ

Độ bền

960GB — 1681 TBW (1 DWPD/5năm)^{5,6} (1.6 DWPD/3năm)^{5,6}
1.92TB — 3362 TBW (1 DWPD/5năm)^{5,6} (1.6 DWPD/3năm)^{5,6}
3.84TB — 6725 TBW (1 DWPD/5năm)^{5,6} (1.6 DWPD/3năm)^{5,6}
7.68TB — 13450 TBW (1 DWPD/5năm)^{5,6} (1.6 DWPD/3năm)^{5,6}

Tiêu thụ điện năng

960GB: +: 5,14W đọc trung bình: 5,25W ghi trung bình: 9,10W
đọc tối đa: 5,64W ghi tối đa: 9,80W
1,92TB: +: 5,22W đọc trung bình: 5,31W ghi trung bình: 13,1W
đọc tối đa: 5,70W ghi tối đa: 13,92W
3,84TB: +: 5,54W đọc trung bình: 5,31W ghi trung bình: 14,69W
đọc tối đa: 6,10W ghi tối đa: 15,5W
7,68TB: +: 5,74W đọc trung bình: 5,99W ghi trung bình: 17,06W
đọc tối đa: 6,63W ghi tối đa: 17,88W

Nhiệt độ bảo quản

-40°C ~ 85°C

Nhiệt độ hoạt động

0°C ~ 70°C

Kích thước

100,09mm x 69,84mm x 14,75mm

Trọng lượng

160(g)

Độ rung hoạt động

2,17G tối đa (7–800Hz)

Độ rung không hoạt động

20G tối đa (10–2000Hz)

Tuổi thọ trung bình

2 triệu giờ

Bảo hành/hỗ trợ⁶

bảo hành giới hạn 5 năm kèm hỗ trợ kỹ thuật miễn phí



MÃ SẢN PHẨM

| DC1000M |
|-----------------|
| SEDC1000M/960G |
| SEDC1000M/1920G |
| SEDC1000M/3840G |
| SEDC1000M/7680G |

- Một phần dung lượng đã công bố của thiết bị lưu trữ Flash được dành cho việc định dạng và các chức năng khác nên không thể dùng để lưu trữ dữ liệu. Do đó, dung lượng thực của thiết bị luôn nhỏ hơn mức công bố trên sản phẩm. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập Hướng dẫn về bộ nhớ Flash của Kingston tại kingston.com/flashguide.
- Khối lượng công việc dựa trên FIO, khối lượng công việc 4KB Ngẫu nhiên QD=1, được tính là thời gian cần để 99% phần trăm các lệnh hoàn thành quá trình di chuyển khứ hồi từ thiết bị chủ đến ổ và về lại thiết bị chủ.
- Phép đo được tiến hành khi công việc đã đạt đến trạng thái ổn định nhưng bao gồm tất cả mọi hoạt động ngầm cần thiết để hoạt động bình thường và bảo đảm độ tin cậy dữ liệu.
- Dựa trên dung lượng 960GB.
- Khối lượng ghi lên ổ mỗi ngày (DWPD) được rút ra từ JEDEC Client Workload (JESD219A).
- Bảo hành giới hạn trong 5 năm hoặc khi việc sử dụng SSD NVMe như thể hiện bởi việc thực thi thuộc tính Sức khỏe của Kingston "Tỷ lệ phần trăm sử dụng" đạt đến hoặc vượt giá trị chuẩn hóa là một trăm (100) như thể hiện bởi Kingston SSD Manager (kingston.com/SSDManager). Đối với SSD NVMe, một sản phẩm mới chưa dùng sẽ hiển thị giá trị Tỷ lệ phần trăm sử dụng là 0, trong khi một sản phẩm đạt giới hạn bảo hành sẽ thể hiện giá trị Tỷ lệ phần trăm sử dụng lớn hơn hoặc bằng một trăm (100).



TÀI LIỆU NÀY CÓ THỂ THAY ĐỔI MÀ KHÔNG CẦN THÔNG BÁO.

©2020 Kingston Technology Far East Corp. (Asia Headquarters) No. 1-5, Li-Hsin Rd. 1, Science Park, Hsin Chu, Taiwan.

Các nhãn hiệu thương mại đã đăng ký và các nhãn hiệu thương mại là tài sản của các chủ sở hữu tương ứng. MKD-413.1 VN

Kingston
TECHNOLOGY